

CHÂN LẠP THỜI KỲ ĐẦU (550 - 790)

NGÔ VĂN DOANH*

L ĐỊA BÀN KHỞI THỦY CỦA CHÂN LẠP

Theo các nhà nghiên cứu, cái tên Chela lần đầu tiên xuất hiện trong lịch sử khi mà bộ sách *Tùy thư* thời nhà Tùy (589-618) của Trung Quốc cho biết rằng, vào năm 616 hoặc 617, nước này có gửi sứ bộ đến triều đình Trung Quốc. Khi đó, nước Chân Lạp do vua Isanavarman (I Xa Na Tiên) cai trị. Cũng chính bộ *Tùy thư* của Trung Quốc đã có những ghi chép khá kỹ về đất nước Chân Lạp. *Tùy thư* (Quyển 82. Liệt truyện 47) viết: “*Nước Chân Lạp ở phía tây nam Lâm Ấp. Vốn là một thuộc quốc của Phù Nam. Cách quận Nhật Nam 60 ngày đi thuyền. Phía nam giáp nước Xa Cừ, phía tây giáp nước Châu Giang. Vua nước đó học là Sát Lợi (Kshatrya-đẳng cấp chiến binh), tên là Chát Đa Tư Na(Sitrasena)*”⁽¹⁾. Cho đến nay, các nhà khoa học vẫn chưa tìm ra nghĩa của cái tên Chân Lạp (cả trong tiếng Phạn và tiếng Chân Lạp, không có một thuật ngữ nào tương ứng) mà người Trung Quốc dùng để gọi một đất nước mà theo nhà nghiên cứu nổi tiếng Pelliot, Chân Lạp (Chenla) mà *Tùy thư* nói tới chính là Cambodia sau này; còn Chát Đa Tư Na, người tấn công và kiêm tính Phù Nam chính là Sitrasena⁽²⁾. Khi sứ bộ của Chân

Lạp được nhắc tới vào năm 616 hoặc 617, thì nước Chân Lạp đã tồn tại được gần hai thế kỷ.

Qua những ghi chép của sử liệu cũng như qua những dấu tích khảo cổ học, các nhà khoa học cho rằng, địa bàn gốc ban đầu của nước Chân Lạp là vùng Basak (nay là Champasak ở Hạ Lào), bên bờ sông Mê Công. Trong những thập niên cuối thế kỷ XX, các nhà khoa học đã phát hiện nhiều dấu tích kiến trúc và hiện vật của một khu vực cư trú lớn gần Vát Phu. Rất có thể, đây là dấu tích còn lại của đô thành Sreshthapura, thủ phủ đầu tiên của nước Chân Lạp mà các tài liệu cổ thường nhắc tới. Rồi thì, cũng tại khu vực Vát Phu, có một khối đá trên đỉnh núi (núi Phu Kậu - núi Búi Tóc) có tên tiếng Trung Quốc (núi Ling-kia-po-po) và tiếng châu Âu (để chỉ các ngôi chùa) là Ling (Lãnh), mà các nhà nghiên cứu cho là tên gọi của Lingaparvata (Linga vĩ đại). Còn vị thần mà sử sách Trung Quốc ghi là Po-to-li thì các nhà nghiên cứu cho là Bhadresvara (tức Siva), vị thần được thờ ở Vát Phu.

Qua các ghi chép của sử liệu Trung Quốc và các dấu tích vật chất, các nhà khoa học cho rằng, cái nôi của nhà nước

* PGS.TS Ngô Văn Doanh, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á

Chân Lạp là vùng Basac, dọc hai bờ sông Mê Công (nay là vùng Hạ Lào) xung quanh hạ nguồn sông Mun. Các vị vua đầu tiên của Chân Lạp đã mở rộng dần lãnh thổ xuống phía nam.

II. KAMBUJADESA KHỞI ĐẦU CỦA NƯỚC CHÂN LẠP

Vào buổi bình minh của lịch sử, trong khu vực mà sau này trở thành cái nôi của nhà nước Chân Lạp, những người Khơme đã có mặt ở khu vực, nơi sông Mun hòa vào sông Mê Công. Theo các nhà khoa học, dù không phải là dân bản địa, thì người Khơme cũng hoặc theo sông Mun xuống, hoặc đi qua những nơi mà nay thuộc đất Thái Lan và Lào để tới lập quốc ở vùng Basac. Thông qua những thành quả nghiên cứu khác nhau, các nhà khoa học cho rằng, những người Khmer đã chiếm vùng đất Basac (Champasac) của người Chăm và, tại đây, họ đã tiếp nhận những ảnh hưởng của tôn giáo, văn hóa... Ấn Độ. Lúc đầu, người Khmer, như các tài liệu Trung Quốc đã ghi, còn nằm trong vòng cai quản của Phù Nam. Nhưng rồi, Srutavarman “đã giải phóng được dân bản địa khỏi xích xiềng của triều cống”. Rõ ràng là, Srutavarman đã giải phóng Kambuja khỏi sự phụ thuộc vào Phù Nam và nước Chân Lạp độc lập đã ra đời. Sự kiện này, theo các nhà khoa học, có thể xảy ra vào đầu thế kỷ V. Các truyền thuyết về các vương triều của người Khmer (được lưu giữ trong một bia ký thế kỷ X, bia ký Baksei Chamkrong)⁽³⁾, kể rằng, Srutavarman, vị vua Chân Lạp đầu tiên là con trai của vị thầy tu ẩn sĩ Kambu Svayambhava, vị tổ mang tên gọi của những người Kambuja và nàng tiên nữ

Mera trên thiên giới mà thần Siva đã ban cho. Từ cặp hôn phối Kambu- Mera này đã sinh ra dòng họ những nhà vua Chân Lạp đầu tiên. Cũng theo các truyền thuyết, Srutavarman, vị vua lịch sử hay nửa lịch sử, nửa truyền thuyết của người Kambuja, hậu duệ của Kambu và Mera, đã để lại ngôi báu cho con trai mình là Sreshthavarman, người mà bia ký Baksei Chamkrong cho biết, là có nguồn gốc từ một dòng tộc vua chúa lưng danh, được sinh ra ở núi Levant. Và, điều đặc biệt là, tên của vị vua thứ hai của Kambuja được dùng để đặt tên cho thủ đô của nước Chân Lạp: Sreshthapura. Theo G.Coedes, thủ đô Sreshthapura của nước Chân Lạp nằm ở chân quả núi mà trên đó có ngôi đền Vát Phu ở Champasac (Hạ Lào)⁽⁴⁾.

Không chỉ nói về nguồn gốc các vị vua đầu tiên của Kambujadesa, bia ký Baksei Chamkrong có đề cập tới các khía cạnh khác về đời sống văn hóa, tín ngưỡng của người Khơme xưa. Do vậy, chúng tôi xin trích dẫn dưới đây một vài đoạn của bia ký này. Về hai vị tổ của các vua Kambujadesa, bia ký viết: *“Tôn sùng Kambu Svayambhava mà niềm vinh quang giống như một vì tinh tú mọc ở chân trời, mà dòng dõi cao quý khi thực hiện được sự hợp nhất tộc Mặt trời với tộc Mặt trăng đã gạt bỏ sự ngu dốt ra khỏi tất cả các sustra, đã tỏa rộng sức mạnh của mình, đã đánh thuế nhẹ và hoàn thiện trong mọi nghệ thuật...”*. Sau hai đoạn nói về hai vị tổ, bia ký bắt đầu ngợi ca vị vua đầu tiên của Kambujadesa là Srutavarman: *“Những người mang gánh nặng của trái đất của Sri Kambu bắt đầu từ Srutavarman, đã kiêu hãnh giật đứt ngay từ đầu, sợi dây trói buộc của sự cống nạp...”*

Như vậy, các vua đầu tiên của Kambujadesa coi mình là thuộc dòng tộc hay vương triều Mặt trời chứ không phải có nguồn gốc từ dòng tộc Mặt trăng như các vua Phù Nam. Nguồn gốc tên gọi của hai dòng tộc hay hai vương triều Mặt trời và Mặt trăng vốn bắt nguồn từ các truyền thuyết sử thi của Ấn Độ: tộc Mặt trăng hay Somavamsa (lấy tên của tiên nữ Soma) với người đại diện tiêu biểu nhất là Krishna, hóa thân của thần Visnu; còn tộc Mặt trời hay Suryavamsa (lấy tên của vị thần Mặt trời Surya) với người đại diện vĩ đại là Rama, cũng là một trong những hóa thân của thần Visnu. Điều đặc biệt ở đây là cả hai thuộc tính Mặt trời và Mặt trăng của hai vương triều (theo tiếng Sanskrit, vamsa có cả hai nghĩa: dòng tộc và vương triều) Kambujadesa và Phù Nam đều gắn với dòng mẹ: Mera là tiên nữ ở thiên giới, Liễu Diệp hay nagiri Soma là con gái của vua rắn Naga dưới nước.

Chắc chắn là người dân Kambujadesa đã tiếp thu nhiều ảnh hưởng của Ấn Độ (có thể là qua người Chăm), thế nhưng, trong phong tục và sinh hoạt của họ, vẫn còn giữ lại nhiều bản sắc riêng. Chính sách Tùy thư của Trung Quốc đã ít nhiều cho biết về điều này: *“Người nước ấy đi đâu, làm gì cũng mang áo giáp, gậy gộc, nếu có việc chinh phục là tiện dụng ngay. Tục của họ, nếu không phải là con do vợ cả của vua đẻ ra thì không được làm vua.... Gần kinh đô có núi Lãng Già Bát Bà (Ling-hia-po-po). Trên núi có đền thờ thần, thường có 5.000 quân đóng giữ. Phía đông thành có thần Bá Lợi Đa (Po-to-li), tế thần này phải dùng thịt người. Mỗi năm, vua nước ấy phải giết một người, ban đêm đem tới đó cầu đảo thần. ở đây cũng có hơn 1.000 quân túc vệ*

canh giữ. Họ kính trọng quỷ thần đến như vậy. Phần đông nhân dân thờ Phật, họ cũng tin đạo sĩ. Phật và đạo sĩ đều lập tượng ở quán”⁽¹⁾.

Những tài liệu bia ký (bia Ta Prohm) nói rằng Sreshthavarman có nguồn gốc từ dòng vua chúa lừng danh, là người con trai thuộc dòng tộc Sri Kambu, được sinh ra ở núi Levant, lại được viết rất muộn về sau. Hơn thế nữa, bia ký Baksei Chamkrong cũng không cho biết ai là người trị vì sau khi Sreshthavarman chết cũng như về độ dài của khoảng thời gian giữa vị vua này và Bhadravarman, người được coi là do Kambujarajalakshmi đưa lên ngôi vua Chân Lạp. Còn bia ký của Chân Lạp sau này (bia ký Ta Prohm, có niên đại thế kỷ XII)⁽²⁾, khi nói về việc Kambujarajalakshmi trị vì Chân Lạp, có cho biết, bà sinh ra trong dòng mẹ của vua (vua Sreshthavarman). Bia ký còn nói rằng, Bhavavarmadeva là chồng của bà Lakshmi, vị nữ hoàng của Kambuja (Kambujaraja), hậu duệ của dòng mẹ của vua Sreshthavarman. Rõ ràng Bhavavarman không phải là người thuộc vương tộc Mặt trời của Kambu và Mera, còn việc Bhavavarman được đề nghị lên làm vua Chân Lạp là nhờ vào cuộc hôn nhân của ông với nữ hoàng Lakshmi. Vậy, Bhavavarman là ai và vì sao con người này lại trở thành vua của Kambujadesa?

III. BHAVAVARMAN I VÀ KHỞI ĐẦU SỰ HUNG THỊNH CỦA CHÂN LẠP

Trong một số bia ký có nói rằng, cha của Bhavavarman là Viravarman. Ông của Bhavavarman cũng được bia ký nói tới với cái tên Sarvabhauma. Theo

G.Coedes, do cái tên Sarvabhauma có nghĩa là “vua của thế giới”, nên ông của Bhavavarman có thể là Rudravarman⁽⁶⁾. Cha của Bhavavarman có thể đã là một vị vua chư hầu của Phù Nam. Có bia ký nói rằng, Viravarman đã chết năm 514, trong trận chiến với Jayavarman. Cũng có bia ký cho biết cha và mẹ của Bhavavarman vẫn còn sống sau khi ông đã trở thành vua Chân Lạp. Còn, người em trai Sitrāsena của Bhavavarman, thì, trong cả thời trị vì của người anh, luôn là tổng chỉ huy quân đội. Và, khi người anh mất, Sitrāsena đã lên ngôi kế vị với tước hiệu Mahendrarman. Dường như Bhavavarman cũng có một người con trai, người đã từng thay cha trị vì đất nước một thời gian ngắn, khi (vào cuối đời) ông vào tu viện sống, nhưng lại không kế vị ngôi báu khi ông mất.

Cũng có những ý kiến khác về nguồn gốc của Bhavavarman. Ví dụ, Pelliot cho rằng Bhavavarman không phải là hậu duệ của các vua Phù Nam, vì rằng Somavamsa (tộc Mặt Trăng) là của dòng Bàlamôn, trong khi đó thì Bhavavarman lại là một Kshatriya. Theo Pelliot, Bhavavarman có thể là người của ngành bên⁽⁷⁾. Còn Finot lại nghĩ rằng Viravarman là thành viên của dòng tộc Mặt Trăng, nên Bhavavarman vẫn thuộc dòng Somavamsa⁽⁸⁾.

Vì có nguồn gốc vương gia danh giá của một nước vốn là chủ của Chân Lạp, cho nên, Bhavavarman đã không khó khăn gì khi lấy một nữ hoàng của một nước chư hầu (ở đây là nữ hoàng Lakshmi của Kambuja). Và, như một hiện tượng khá phổ biến trong lịch sử các quốc gia cổ ở Đông Nam Á, sau khi lấy vợ là nữ hoàng,

Bhavavarman đã lên làm vua trị vì đất nước của vương triều nhà vợ. Cũng như một hiện tượng vốn khá phổ biến trong lịch sử, sau khi lên làm vua (dù là nhờ vợ), Bhavavarman bắt đầu không chấp nhận vương triều Mặt trời khởi thủy của nước Kambuja. Các bia ký của Chân Lạp hầu như không nói gì về Kambuja, Kambu hay về Srutavarman và Sreshthavarman. Các bia ký của Bhavavarman và của các vua kế vị liên tục nhắc đi, nhắc lại rằng họ là những thành viên của vương triều Mặt Trăng của Kaundinya- Soma. Cũng trong các bia ký Chân Lạp, tên nước và các lãnh địa được gọi theo tên của thủ đô của các vua, như Bhavapura, Isanapura, Vyadhapura, Sambhupura... Thế nhưng, như các nhà khoa học đã chứng minh. Cái tên Chân Lạp mà sử sách Trung Quốc dùng là để gọi và chỉ vương quốc cổ Kambuja của người Khơme. Do vậy, chỉ sau thời trị vì của vương triều Mặt Trăng do Bhavavarman khởi đầu, các vua Chân Lạp sau đó lại trở về với việc công nhận vương triều Mặt Trời là gốc. Theo các nhà nghiên cứu, không chỉ các sử liệu mà người Cambodia hiện đại đều khẳng định những người Kambuja đến định cư ở Chân Lạp, chứ không phải những người Phù Nam, là những tổ tiên của mình⁽⁹⁾.

Dù không công nhận vương triều Mặt Trời của Kambu- Mera, nhưng Bhavavarman đã bắt đầu quá trình chinh phục Phù Nam và mở rộng lãnh thổ cho Chân Lạp. Và, như các nhà nghiên cứu đã xác định, sự kiện Sitrāsena kiêm tính Phù Nam diễn ra vào khoảng giữa thế kỷ VI, khi Bhavavarman còn trị vì. Không chỉ chiếm Phù Nam, Bhavavarman còn, như các bia ký (bia Hanchey) cho biết, đã đánh

bại các vua cai quản các vùng núi, đã chiếm đoạt nhiều voi để đem dùng vào các cuộc chiến, đã mở những cuộc tấn công vào các tộc người ngoại tộc, sau khi đã đánh bại các vua miền núi, đã chiếm đất nước của họ... Sự có mặt rộng khắp của các bia ký cũng như những dấu tích kiến trúc đã cho thấy, lãnh thổ của Chân Lạp thời Bhavavarman I đã mở rộng từ thủ phủ Sreshthapura về phía tây ngược sông Se Mun và xuống phía nam tới khu vực hạ lưu sông Mê Công. Thế nhưng, như các nhà nghiên cứu suy luận, do không thấy có mặt những bia ký ở vùng hạ lưu sông Mê Công, nên, rất có thể, vào thời Bhavavarman, Phù Nam chỉ là một vùng tự trị của Chân Lạp mà thôi, chứ chưa bị sáp nhập hoàn toàn vào Chân Lạp.

Các bia ký được khắc ghi vào thời này cho biết, ngay từ khi ra đời, Chân Lạp đã tiếp thu những chỉ dẫn từ những cuốn sách thiêng của Ấn Độ. Ví dụ bia ký Veal Kantel nói rằng hình thần Tribhuanesvara (Siva) cần phải được thể hiện theo hình Mặt Trời. Theo nội dung của các bia ký, trong những đồ dâng cúng của vị bàlamôn tên là Somasarmān, chồng của em gái Bhavavarman, có các bản sao chép đầy đủ sử thi Mahabharata, sử thi Ramayana và các Purana... Rõ ràng là, như các bia ký thường hay nói tới, hệ thống đẳng cấp của Ấn Độ đã đi vào cuộc sống của triều đình Chân Lạp. Thế nhưng, ở Chân Lạp, những quy định của các đẳng cấp thoáng và tự do hơn so với ở Ấn Độ. Ví dụ, ở Chân Lạp, chuyện kết hôn giữa những người khác đẳng cấp là khá phổ biến (người bàlamôn lấy người kshatriya). Rồi thì, nếu như ở Ấn Độ, trong những trường hợp hôn nhân hỗn hợp (rất

hiếm xảy ra), con cái thuộc về đẳng cấp người cha; thì ngược lại, ở Chân Lạp thuộc về đẳng cấp người mẹ.

VI. NHỮNG NGƯỜI KẾ VỊ BHAVAVARMAN VÀ CÔNG CUỘC MỞ RỘNG LÃNH THỔ

Dựa trên số lượng các bia ký để lại cũng như các vùng đất chiếm được, các nhà khoa học cho rằng, dường như Bhavavarman đã tại vị trên ngai vàng khá lâu, có thể sang đến cả đầu thế kỷ VII. Người kế vị Bhavavarman chính là Sitrasena (khi lên ngôi lấy vương hiệu là Mahendravarman), người em trai, đồng thời là người đã giúp mình chinh phục Phù Nam. Chắc là vị vua kế tiếp của Bhavavarman trị vì không được lâu, vì rằng những bia ký đương thời và những sử liệu của Trung Quốc chủ yếu nói về thời kỳ trước khi lên ngôi của vị vua này, thời còn là Sitrasena.

Giống như người anh, vị vua tiền bối, Mahendravarman được các bia ký ca tụng như một chiến binh vĩ đại. Một bia ký của Champa (bia Mỹ Sơn khắc năm 657 của Prakasadharmā) có nói rằng, ông (Mahendravarman) là người anh hùng trên thế giới này, là người tiêu diệt các liên minh đầy tự hào của các kẻ thù, là người sánh ngang với các thần Indra, vua của các thần về quyền lực. Chính các sử liệu lịch sử và bia ký đã chứng minh rằng, khi vị vua tiền bối còn trị vì, ông đã đánh chiếm được Phù Nam, còn khi trị vì, ông đã chiếm được cả vùng châu thổ hạ lưu sông Mun. Cũng giống như người anh, Mahendravarman đã rất sùng kính thần Siva và đã lập những đền thờ lớn nhỏ cho

vị thần tối thượng này. Ngoài ra, các bia ký còn cho biết, Mahendravarman đã phái một sứ bộ do Simhadeva dẫn đầu sang gặp vua Champa. Rất tiếc là các bia ký không cho biết vị vua Champa là ai, nhưng, theo các nhà nghiên cứu, có thể là Fan Chi (Simhavarman).

Không có một tài liệu văn bia nào và cũng không có một tài liệu Trung Quốc nào cho biết được chính xác thời gian trị vì của hai anh em Bhavavarman và Mahendravarman. Các tài liệu trên chỉ cho biết là họ đã sống vào khoảng thời gian giữa từ năm 540, niên đại sớm nhất mà *Tùy thư* xếp vào năm Chân Lạp được giải phóng, đến năm 616/17 (năm Đại Nghiệp thứ 13), niên đại của đoàn sứ thần đầu tiên được nhà vua kế vị họ gửi tới Trung Quốc. Vị vua kế vị này là con của Mahendravarman lấy vương hiệu là Isanavarman.

Cũng các tài liệu Trung Quốc cho biết Isanavarman đã chinh phục được nhiều thành và đã cai quản một đất nước rộng lớn với thủ phủ là Isanapura (dùng tên vua để đặt tên cho thủ đô). Sách *Tùy thư* có đoạn chép về Chân Lạp thời vua Isanavarman như sau: "... Vua ở thành *Y Xa Na (Isanapura)*, dưới thành có hơn hai vạn nhà. Trong thành có một tòa nhà lớn. Đó là chỗ vua coi châu. Vua thống lĩnh 30 thành lớn. Mỗi thành có vài ngàn nhà, và đều có bộ sưu" ⁽¹⁾.

Không chỉ các tài liệu của Trung Quốc, mà những bia ký hiện được biết được khắc vào thời kỳ này cũng cho biết những thông tin về công cuộc mở rộng lãnh thổ của Isanavarman. Cho đến nay, đã phát hiện được hơn một chục bia ký của

Isanavarman, trong đó có những bia ký có niên đại, như các bia ký Prasat Toc (năm 620), Bayang (624), Vat Chakret (626-627), Sambor- Prei Kuk (627- 628) và Kdei Ang Chumnik (628- 629). Qua sự phân bố và nội dung của các bia ký cũng như các di tích, các nhà khoa học cho rằng, Isanavarman đã chinh phục được cả vùng tây bắc Campuchia hiện nay và vùng giáp với đồng bằng sông Menam (đến tận vùng đất giáp với nhà nước Môn cổ Dvaravati). Chính vì lãnh thổ được mở rộng thêm, nên, Isanavarman đã dời đô từ thủ phủ ban đầu ở khu vực Vát Phu xuống gần tới Biển Hồ (nay là khu di tích Sambor Prei-Kuk, cách thành phố Kompong Thom hiện nay chừng 20 dặm về phía bắc).

Các bia ký đã cho biết, dưới thời trị vì của Isanavarman, việc thờ phụng Siva khá phát triển. Bia ký Ang Pou nói tới việc dựng linga. Bia ký của Ang Chumnik cho biết về sự phục dựng và tô điểm cho chiếc linga đã được làm từ thời Mahendravarman. Hai bia ký của Bayang nói về việc dựng Sivapada (dấu chân của Siva). Thế nhưng, vào thời Isanavarman, Bàlamôn giáo ở Chân Lạp mang hình thức thờ Harihara- Visnu và Siva được thể hiện vào chung một thân thể. Không chỉ là một quân vương có tài chinh chiến và tổ chức, Isanavarman còn là một vị vua để lại nhiều công trình xây dựng. Thủ đô Isanapura mà vị vua này cho xây dựng ở Sambor Prei Kuk, không tính đến những bổ sung thêm của các vua sau này, là quần thể kiến trúc lớn nhất của nước Campuchia thời kỳ tiền Angco.

Nhờ vào một bia ký của Champa mà chúng ta biết được đôi chút về gia đình

của Isanavarman. Bia ký Champa cho biết, Isanavarman có một cô con gái tên là Sri Sarvani. Con gái của Isanavarman đã lấy chồng là một hoàng tử Champa tên là Jagaddharma, người mà, vì một tình huống nào đấy, đã đến Bhavapura (có thể vào thời Bhavavarman I). Hai người đã có một người con trai tên là Prakasadharm, người sau này đã trở về quê và lên làm vua Champa với vương hiệu là Vikrantavarman (tác giả của bài bia ký khác năm 657).

Vào khoảng năm 630, khi Isanavarman thôi trị, trong triều đình Chân Lạp, hình như đã xảy ra một biến cố lớn: một người ngoại tộc đã lên ngôi vua với vương hiệu là Bhavavarman (II). Do vậy, có thể thấy, với sự lên ngôi của vị vua ngoại tộc này, đã kết thúc cả một thời kỳ trị vì của vương triều Bhavavarman I. Không phải ngẫu nhiên mà một bia ký của Champa (bia Mỹ Sơn khắc năm 657 của người con rể Prakasadharm) đã khái quát về tất cả bốn vị vua của vương triều này như sau: *“Vua Bhavavarman, người sinh ra trong một dòng vua tinh khiết, mà cho đến giờ, vẫn còn là niềm kiêu hãnh của thần dân nhờ đức độ không thể khiển trách được của mình. Ngài, đức vua Bhavavarman nổi danh ba lần sức mạnh và đã đánh tan niềm kiêu hãnh ngạo mạn của những kẻ thù quá thừa lòng quả cảm và sức mạnh chiến binh, có một người em trai (tức Sitrasena) là anh hùng cái thế, là người hủy diệt những liên minh đầy kiêu hãnh của các kẻ thù, là người mà uy lực tăng lên nhờ sức mạnh, là người mà vẻ đáng uy nghi tỏa sáng như mặt trời tỏa sáng từ trong ra. Ngài, Sri Mahendravarma lừng danh, sánh ngang về lòng quả cảm với*

Indra, vua của các thần, đã sinh ra người con trai được mến chuộng không khác gì quả núi nảy sinh ra từ cách xử sự của những con người thông tuệ. Ngài, Sri Isanavarma, vua của mọi người, người mà ánh sáng rực rỡ tỏa chiếu tới muôn phương, đã sinh ra người con gái vì sự thịnh vượng duy nhất, giống như những lễ hiến tế làm nảy sinh ra cả sự thịnh vượng vật chất lẫn sức mạnh siêu nhiên”⁽¹⁰⁾.

Cho đến nay, việc Isanavarman mất như thế nào và Bhavavarman II lên kế vị ngôi vua ra làm sao vẫn còn là một dấu hỏi. Thế nhưng, chắc chắn Bhavavarman không phải là con hay người kế vị được chấp thuận của Isanavarman. Không chỉ lên ngôi một cách không bình thường, mà thời kỳ trị vì của Bhavavarman II cũng lại rất ngắn ngủi. Qua các dấu tích còn lại của các bia ký và các công trình xây dựng, các nhà khoa học đoán rằng Bhavavarman II đã đóng đô ở Angkor Borei. Cũng các bia ký cho biết, Bàlamôn giáo vẫn là tôn giáo chính của Chân Lạp thời kỳ này.

Trong khoảng thời gian cuối cùng của Bhavavarman II, từ 640 đến 657, theo các tài liệu bia ký, một người (có thể là con trai của Bhavavarman II) đã lên ngôi vua Chân Lạp với vương hiệu là Jayavarman. Rất may là Jayavarman đã để lại khá nhiều bia ký, trong đó có 13 bia ký có niên đại. Hầu hết các bia ký này được viết bằng chữ Sanskrit, chỉ một số bia ký là có từng đoạn bằng chữ Khome. Các bia ký đều ngợi ca Jayavarman ở cả hai khía cạnh: chiến binh và con người. Một số bia ký coi vua “là người chinh phục các kẻ thù”, “là con sư tử lẫm lừng giữa các vua chúa”, “là vị vua luôn chiến thắng mọi kẻ thù”...

Qua các bia ký, các nhà khoa học cho rằng, ngay vào những năm đầu trị vì, Jayavarman đã chinh phục vùng đất mà nay là miền Trung và Thượng Lào. Các tài liệu Trung Quốc cho biết, vào khoảng những năm 650 - 656, nước Sang Kao (ở vùng Cammon và một số nước nhỏ khác) những nước đã phái sứ thần đến Trung Quốc vào năm 638, đã bị Chân Lạp chiếm. Các quốc gia này có thể đã mở rộng về phía bắc tới những vùng người Khơ me sinh sống, giáp với khu vực của nhà nước Nam Chiếu mới hình thành ở Vân Nam.

V. CHÂN LẠP BỊ CHIA ĐOI THÀNH LỤC CHÂN LẠP VÀ THỦY CHÂN LẠP

Sự hiện diện của nhiều bia ký trong những thời điểm khác nhau đã phần nào cho thấy thời kỳ trị vì của Jayavarman là khá dài (ít nhất là đến năm 681). Sau năm 681, hầu như không có một bia ký cổ niên đại nào được tìm thấy. Chỉ có một bia ký tìm thấy ở Baray Tây của Angkor Thom là nhắc tới một người trị vì có tên là Jayadevi. Theo nghiên cứu của G.Coedes (người dịch bia ký này), Jayadevi là vợ góa của Jayavarman I và đã trị vì Chân Lạp sau khi chồng mất. Hai mươi lăm hoặc ba mươi năm này là cả một thời kỳ mù mờ nhất của lịch sử Campuchia. Không một tài liệu nào cho biết khi nào thì Jayavarman thôi nắm quyền lực và khi nào thì người vợ của ông lên trị vì. Thế nhưng, một số tài liệu bia ký và sử liệu của Trung Quốc cho biết, sang đến đầu thế kỷ VIII, Chân Lạp bị chia làm hai nước là Lục Chân Lạp và Thủy Chân Lạp.

Sử sách Trung Quốc, như "Văn hiến thông khảo" của Mã Doan Lâm, cho biết:

"Đời Đường, từ năm Vũ Đức (618- 626) đến năm Thánh Lịch (698), Chân Lạp tất cả bốn lần tới triều cống. Từ niên hiệu Thần Long (705-706) về sau chia làm hai. Nửa nước phía bắc nhiều núi lớn nên gọi là Lục Chân Lạp. Nửa nước phía nam bờ biển, đất thấp, phì nhiêu, đầm nhiều, gọi là thủy Chân Lạp"⁽¹⁾. Thế nhưng, các tài liệu lại cho biết rất ít về Lục Chân Lạp. Như các nhà nghiên cứu đã nhận thấy, về Lục Chân Lạp, các tài liệu chỉ cho biết về hai sự kiện: một là vào nửa đầu thế kỷ VIII có một sứ bộ năm 717 và một cuộc viễn chinh tới Trung Kỳ năm 722 để giúp một thủ lĩnh bản xứ trong cuộc nổi loạn của ông chống Trung Hoa. Thủ lĩnh bản xứ nổi dậy ở Trung Bộ chính là Mai Thúc Loan (Mai Hắc Đế).

Với những tài liệu thật ít ỏi và tản mạn, nên việc dựng lại lịch sử của Thủy Chân Lạp là một công việc thật khó khăn. Thế nhưng, các nhà khoa học cũng đã phác dựng được một bức tranh khái lược về Thủy Chân Lạp. Có lẽ, ngay sau khi Jayavarman I chết, là cả một thời kỳ xung đột nội bộ. Hai vương triều mới đã nổi lên và tranh chấp quyền lực tối cao với vương triều của Vyadhapura. Rõ ràng là Nripatindravarman, Isvara của Aninditapura đã phục hồi lại vương quốc xưa của họ và đã kiểm soát được cả dải phía tây của đồng bằng sông Mê Công với thủ phủ là Baladityapura ở Angkor Borei. Trong khi đó thì vương triều mới của Sambhupura lại thiết lập vương quốc ở bờ đông của sông Mê Công, ở vùng Sambor-Kratic hiện nay. Pushkaraksha, con trai của Nripatindravarman, cưới con gái vua của Sambhupura và trở thành vua của nước này. Sự việc này có thể đã xảy ra

trước khi Nripatindravarman mất. Do vậy, dường như Pushkaraksha lên trị vì Sambhupura vào năm 716. Còn các vua tối cao (Adhiraja) của Vyadhapura, những người kế vị của Jayavarman I thì sao? Theo các nhà nghiên cứu, thì, dường như các vua Vyadhapura đã thu mình vào đèo đất hẹp dọc sông Mê Công ở vùng thủ đô xưa của Jayavarman I (vùng Ba Phnom-Banteay Prei Nokor).

Cuộc hôn nhân của Pushkaraksha với người thừa kế nữ của Sambhupura (G.Coedes coi đây là cuộc xâm lược trá hình) có thể là nguyên nhân dẫn đến sự ly khai của Lục Chân Lạp, mà sử sách Trung Quốc nói là xảy ra vào khoảng năm 707. Sau năm 716 một thời gian, Pushkaraksha lên ngôi kế vị cha mình ở Aninditapura, và, có thể đã để con trai mình là Sambhuvarman ở lại cai trị Sambhupura. Và, đến đây thì gia tộc này đã cai quản toàn bộ vùng đồng bằng. Sau đấy, Sambhuvarman cưới nữ nhân thừa kế ngôi báu các Adhiraja của Vyadhapura (có thể là một cuộc xâm lược nữa?). Như vậy là, toàn bộ Thủy Chân Lạp đã được thống nhất. Đến Rajendravarman, con trai và là người kế vị của Sambhuvarman, thì đã là sự hòa huyết của cả ba dòng máu của ba vương triều lớn đối địch nhau ở Thủy Chân Lạp. Sự việc này có thể đã xảy ra vào giữa thế kỷ VIII. Rajendravarman I có thể đã trị vì cho đến tận một hai thập niên cuối của thế kỷ VIII, khi con trai ông là Mahipativarman lên kế vị ông. Thủ đô khi đó có thể đặt ở Baladityapura.

VII. INDRAPURA BỊ SRIVIJAYA XÂM CHIẾM

Ngoài các vương triều và các ông vua lớn ra, tại Thủy Chân Lạp hồi đó, còn có những vương triều khác, có thể là các vương triều chư hầu của các vương triều lớn. Trong số các vị vua nhỏ đó, đáng kể nhất là một Jayavarman khác (G.Coedes đặt là Jayavarman I bis) mà các bia nói tới. Dù không gắn với một vương tộc lớn nào, nhưng Jayavarman I bis này, theo các nhà khoa học, lại là đại diện cho vương triều của Indrapura, một nhánh của Sambhupura. Có ba lý do để khẳng định giả thuyết trên: 1. tất cả đều mang một tên hiệu giống nhau; 2. tất cả đều gắn với một địa vực và một thời kỳ như nhau, và 3. sau khi từ Java trở về, Jayavarman II (người sáng lập ra vương triều Angkor) lập thủ đô đầu tiên của mình tại Indrapura. Có thể là Jayavarman I bis, cha của Jayavarman II, là người sáng lập ra nhà nước chư hầu Indrapura ngay sau khi Sambhupura nhập vào Thủy Chân Lạp. Chắc là Jayavarman I bis đã trị vì ở vùng Indrapura vào đầu những thập niên cuối của thế kỷ VIII. Và, đáng lẽ người con trai của Jayavarman I bis phải được lên kế vị ngôi vua thay cho vị vua bất hạnh bị giết, thì một sự cố quan trọng đã xảy ra: Srivijaya chiếm miền nam Campuchia.

Một trong những nguyên nhân quan trọng khiến các đại vương Srivijaya tấn công miền nam Campuchia là để thu tóm các mạng lưới buôn bán vốn đã từng tồn tại từ trước đó ở vùng ven biển của Việt Nam. Các tài liệu của người Ả Rập sau này cho biết các chiến thuyền của Srivijaya đã tấn công lãnh địa Indrapura ở miền nam Campuchia vào khoảng những năm từ 782 đến 790, dưới thời trị vì của vị vua Sangramadhananjaya (người

kế vị của Dharmasetu) thuộc dòng Sailendra. Cuộc xâm lược này đã được sử gia người Ả Rập Abu Zaid Hasan chép trong văn bản có niên đại khoảng năm 916 và có tên là “Zabag” (tên mà người Ả Rập thường dùng để chỉ Srivijaya) ⁽¹¹⁾.

Dù có nhiều chi tiết hoang đường, tài liệu của Abu Zaid vẫn cho các nhà nghiên cứu những cứ liệu lịch sử quan trọng. Tư liệu Ả Rập này đã góp phần khẳng định cho việc Srivijaya đã nhất thời (từ năm 782 đến năm 802) kiểm soát được vương quốc Cambodia, còn một hoàng thân Cambodia tên là Jayavarman II được Samaratunga, người kế vị của Sangramadhananjaya, phái từ Java về nước để cai quản đô thị Indrapura của Cambodia. Mà, người cai quản thường chỉ được cử đi đến những nước chư hầu. Do vậy, Indrapura chắc là đã nằm dưới sự kiểm soát của Srivijaya. Chỉ đến năm 802, vị vua Khmer có tên là Jayavarman II, người sáng lập ra vương triều Angkor và cũng là người có gắn bó nhiều với Srivijaya vào thời trị vì của đại vương Samaratunga, mới giải phóng được miền nam Cambodia khỏi sự kiểm soát của Srivijaya.

Như vậy là, trong suốt 240 năm (từ 550 đến 790), từ một khu vực nhỏ ở miền trung sông Mê Công, những người Khmer đã xây dựng cho mình một vương quốc riêng: vương quốc Kambuja, rồi rất nhanh chóng theo thời gian, các triều vua nối tiếp nhau đã củng cố và mở rộng lãnh thổ của vương quốc mình ra cả một vùng rộng lớn kéo dài từ bắc Lào ở phía bắc tới biển ở phía nam và từ phía tây dãy Trường Sơn phía đông tới khu giáp đồng bằng sông Menam ở phía tây. Dù rằng, trong suốt 240 năm tồn

tại, có lúc thịnh, lúc suy, lúc tan, lúc hợp, nhưng vương quốc Chân Lạp luôn phát triển và đã tạo ra cả một nền móng vững chắc về nhiều mặt cho đất nước của người Khmer bước vào kỷ nguyên Angkor huy hoàng (802- 1432)/.

CHÚ THÍCH

1. Dẫn theo bản dịch tiếng Việt của Nguyễn Hữu Tâm trong “Văn hóa Óc Eo & vương quốc Phù Nam, Nxb.Thế giới, Hà Nội, 2008, tr.298-300.
2. P.Pelliot. *Le Fou-nan*, BEFEO. III, tr.272.
3. G.Coedes, *Inscriptions du Cambodge*, Hanoi. 1937. IV, tr.96. Bản dịch tiếng Việt các bia ký Chân Lạp của GS.Lương Ninh trong: “*Vương quốc Phù Nam- lịch sử và văn hóa*”, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội, 2005, tr. 239- 291.
4. G.Coedes. *The indianized states of Southeast Asia*, Honolulu,1968, tr.66
5. G.Coedes, *La stele de Ta Prohm*, B.E. 6 (1906):44-81.
6. G.Coedes, *The indianized states of Southeast Asia*, Sdd., tr. 61.
7. P.Pelliot, *Le Fou-nan*, tr.302
8. L.Finot, *Sur quelques traditions indo-chinoises*, B.C.A.I. 11 (1911), tr.36.
9. L.P. Briggs, *The ancient Khmer empire*, American Philosophical Society, Philadelphia, 1951, tr.40.
10. R.C. Majumdar, *The inscriptions of Champa*, Gian Publishing House, Shakti Nagar, Delhi, 1985, tr.23- 24
11. Về việc Srivijaya tấn công Campuchia, xem: Paul Michel Munoz, *Early Kingdoms of the Indonesian Archipelago and the Malay*